

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI BÌNH

Số: 1799/QĐ-UBND

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thái Bình, ngày 31 tháng 10 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường cao tốc Ninh Bình - Hải Phòng, đoạn qua tỉnh Nam Định và Thái Bình theo phương thức đối tác công tư

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019;

Căn cứ Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư ngày 18/6/2020;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị quyết số 106/2023/QH15 ngày 28/11/2023 của Quốc hội thi điểm một số chính sách đặc thù về đầu tư xây dựng công trình đường bộ;

Căn cứ Nghị quyết số 112/2024/QH15 ngày 18/01/2024 của Quốc hội về việc sử dụng dự phòng chung, dự phòng nguồn ngân sách trung ương của Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 cho các Bộ, cơ quan trung ương, địa phương và Tập đoàn Điện lực Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 100/2013/NĐ-CP ngày 03/9/2013;

Căn cứ Nghị định số 32/2014/NĐ-CP ngày 22/4/2014 của Chính phủ về quản lý, khai thác và bảo trì công trình đường cao tốc được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 25/2023/NĐ-CP ngày 19/5/2023;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 35/2021/NĐ-CP ngày 29/03/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư;

Căn cứ Nghị định số 28/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý tài chính dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư;

Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì

công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 3/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 22/2022/TT-BGTVT ngày 31/8/2022 của Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn một số nội dung trong báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo nghiên cứu khả thi dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư, loại hợp đồng xây dựng - kinh doanh - chuyển giao thuộc lĩnh vực giao thông vận tải;

Căn cứ Quyết định số 1454/QĐ-TTg ngày 01/9/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch mạng lưới đường bộ thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 1680/QĐ-TTg ngày 25/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt chủ trương đầu tư Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường cao tốc Ninh Bình - Hải Phòng đoạn qua tỉnh Nam Định và Thái Bình theo phương thức đối tác công tư;

Căn cứ văn bản số 377/TTg-CN ngày 09/5/2023 của Thủ tướng Chính phủ về phương án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Ninh Bình - Nam Định - Thái Bình;

Căn cứ Báo cáo thẩm định số 8786/BC-HĐTĐLN ngày 23/10/2024 của Hội đồng thẩm định liên ngành về kết quả thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường cao tốc Ninh Bình - Hải Phòng, đoạn qua tỉnh Nam Định và Thái Bình theo phương thức đối tác công tư;

Căn cứ Quyết định số 3493/QĐ-BTNMT ngày 30/10/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường cao tốc Ninh Bình - Hải Phòng, đoạn qua tỉnh Nam Định và Thái Bình theo phương thức đối tác công tư;

Căn cứ văn bản số 710/CĐCTVN-KHTC ngày 12/6/2024 của Cục Đường cao tốc Việt Nam (Bộ Giao thông vận tải) về việc thông báo kết quả thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường cao tốc Ninh Bình - Hải Phòng, đoạn qua tỉnh Nam Định và Thái Bình theo phương thức đối tác công tư;

Căn cứ văn bản thỏa thuận về việc lập hồ sơ Dự án xây dựng tuyến đường bộ cao tốc Ninh Bình - Hải Phòng, đoạn qua tỉnh Nam Định và Thái Bình theo phương thức đối tác công tư giữa Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình và Tập đoàn GELEXIMCO - Công ty CP (nhà đầu tư đề xuất dự án) ngày 28/12/2023;

Xét đề nghị của Tập đoàn GELEXIMCO - Công ty CP (Nhà đầu tư đề xuất dự án) tại Tờ trình số 1479/TTr-GELE ngày 30/10/2024, của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại văn bản số 377/BC-SKHĐT ngày 31/10/2024 về việc phê duyệt Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường cao tốc Ninh Bình - Hải Phòng, đoạn qua tỉnh Nam Định và Thái Bình theo phương thức đối tác công tư.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường cao tốc Ninh Bình - Hải Phòng, đoạn qua tỉnh Nam Định và Thái Bình theo phương thức đối tác công tư với các nội dung sau:

1. Tên dự án: Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường cao tốc Ninh Bình - Hải Phòng, đoạn qua tỉnh Nam Định và Thái Bình theo phương thức đối tác công tư.

2. Mục tiêu dự án: Từng bước hoàn thiện các tuyến đường bộ cao tốc trong Quy hoạch mạng lưới đường bộ thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1454/QĐ-TTg ngày 01/9/2021. Kết nối đường bộ cao tốc các tỉnh: Thanh Hóa, Ninh Bình, Nam Định, Thái Bình đến thành phố Hải Phòng và tỉnh Quảng Ninh; tạo động lực phát triển các tỉnh, thành phố Vùng Đồng bằng sông Hồng và Bắc Trung Bộ; làm cơ sở để thu hút các nhà đầu tư trong nhiều lĩnh vực, đặc biệt là phát triển đô thị, công nghiệp, thương mại và dịch vụ; đáp ứng kịp thời khi có sự cố thiên tai, biến đổi khí hậu trong khu vực; tăng cường củng cố quốc phòng, an ninh.

3. Quy mô đầu tư, địa điểm thực hiện dự án:

3.1 Phạm vi dự án.

- Điểm đầu (Km19+300) tại đầu cầu vượt sông Đáy phía Nam Định, thuộc địa bàn xã Nghĩa Thái, huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định.

- Điểm cuối (Km80+200) tại nút giao giữa Quốc lộ 37 mới và đường ven biển, thuộc địa bàn xã Thụy Trình, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình.

- Tổng chiều dài khoảng 60,9km; trong đó, trên địa bàn tỉnh Nam Định 27,6 km, trên địa bàn tỉnh Thái Bình 33,3km.

3.2. Địa điểm thực hiện: tỉnh Nam Định và tỉnh Thái Bình.

3.3. Quy mô đầu tư và tiêu chuẩn kỹ thuật:

3.3.1. Đường cao tốc:

a) Cấp đường: Đầu tư xây dựng tuyến đường theo tiêu chuẩn đường bộ cao tốc (TCVN 5729:2012), 04 làn xe hoàn chỉnh, vận tốc thiết kế $V_{tk}=120\text{km/h}$.

b) Mặt cắt ngang: Tuyến đường với quy mô 4 làn xe, bề rộng nền đường $B_{nền}=24,75\text{m}$.

c) Mặt đường cấp cao A1.

d) Công trình cầu:

- Công trình cầu thiết kế bằng bê tông cốt thép và bê tông cốt thép dự ứng lực theo các tiêu chuẩn thiết kế cầu đường bộ TCVN 11823-1:2017 đến TCVN 11823-14:2017.

- Bề rộng cầu: Công trình cầu trên đường cao tốc thiết kế mặt cắt ngang theo quy mô nền đường $B_{nền} = 24,75m$, công trình cầu trong nút giao và cầu vượt ngang thiết kế mặt cắt phù hợp khổ nền đường.

- Tải trọng thiết kế HL93

đ) Nút giao: Xây dựng các nút giao liên thông và trực thông bảo đảm khai thác an toàn, kết nối thuận lợi.

e) Tần suất thiết kế: Đảm bảo tần suất thiết kế 1%.

3.3.2. Đường gom, đường ngang, hoàn trả đường dân sinh:

- Đường gom: Được thiết kế theo tiêu chuẩn Đường giao thông nông thôn - Yêu cầu thiết kế TCVN10380:2014; quy mô đường giao thông nông thôn loại A, B. Đường gom trùng với đường hoàn trả, quy mô phù hợp với đường hiện trạng.

- Đường ngang và đường hoàn trả dân sinh: Xây dựng phù hợp với quy mô đường ngang và hoàn trả dân sinh đã được thỏa thuận với địa phương.

- Tuyến nối, đường ngang: Phù hợp với cấp đường hiện trạng và quy hoạch.

- Mặt đường: Mặt đường bê tông nhựa, mặt đường láng nhựa.

3.3.3. Công trình phục vụ khác:

Đầu tư hoàn chỉnh hệ thống quản lý giao thông thông minh, hệ thống thu phí điện tử không dừng, công trình kiểm soát tải trọng xe bảo đảm kiểm soát và điều khiển giao thông toàn tuyến, đáp ứng yêu cầu vận hành, khai thác đường cao tốc, bảo đảm kết nối đồng bộ, thống nhất với các tuyến lân cận.

4. Giải pháp thiết kế chủ yếu.

4.1. Hướng tuyến, bình đồ:

a) Hướng tuyến: Phù hợp với Quy hoạch mạng lưới đường bộ thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1454/QĐ-TTg ngày 01/9/2021; cơ bản bám theo hướng tuyến trong bước Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi đã được Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1680/QĐ-TTg ngày 25/12/2023.

b) Bình đồ: Yếu tố kỹ thuật trên bình đồ bảo đảm vận tốc thiết kế $V_{tk} = 120km/h$ theo Tiêu chuẩn thiết kế đường cao tốc.

4.2. Trắc dọc:

Thiết kế đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật của đường ô tô cao tốc, các điểm khống chế, đảm bảo tần suất thiết kế, thoát lũ, tính không yêu cầu tại các vị trí giao cắt với quốc lộ, đường tỉnh, đường địa phương và tính không thông thuyền, đảm bảo êm thuận trong quá trình vận hành, giảm thiểu khối lượng đào, đắp, đắp

ứng yêu cầu kinh tế - kỹ thuật, ổn định công trình lâu dài.

4.3. Trắc ngang:

a) Đường cao tốc: Chiều rộng nền đường $B_{nền}=24,75m$ trong đó mặt đường phần xe chạy $B_{xc}=4 \times 3,75m=15m$, dải phân cách giữa $B_{dpc}=0,75m$, dải an toàn $B_{dat}=2 \times 0,75m=1,5m$, dải dừng xe khẩn cấp $B_{ddx}=2 \times 3,0m=6,0m$, lề đường $B_{lề}=2 \times 0,75m=1,5m$.

b) Đường gom, đường ngang:

- Các tuyến đường hoàn trả, đường ngang tại nút giao, đường chui dưới cầu có tiêu chuẩn cấp III đồng bằng, $V_{tkế}=80km/h$: Chiều rộng nền đường $B_{nền}=12,0m$ trong đó mặt đường phần xe chạy $B_{xc}=2 \times 3,5m=7,0m$, lề gia cố $B_{lgc}=2 \times 2,0m=4,0m$, lề đường $B_{lề}=2 \times 0,5m=1,0m$.

- Các tuyến đường hoàn trả, đường ngang tại nút giao, đường chui dưới cầu có tiêu chuẩn cấp IV đồng bằng, $V_{tkế}=60km/h$: Chiều rộng nền đường $B_{nền}=9,0m$, trong đó mặt đường phần xe chạy $B_{xc}=2 \times 3,5m=7,0m$, lề đường và lề gia cố $B_{lề}=2 \times 1,0m=2,0m$.

- Các đường địa phương khác được thiết kế theo tiêu chuẩn đường cấp V: Chiều rộng nền đường $B_{nền}=7,5m$ trong đó mặt đường phần xe chạy $B_{xc}=2 \times 2,75m=5,5m$, lề đường và lề gia cố $B_{lề}=2 \times 1,0m=2,0m$.

- Mặt cắt đường giao thông nông thôn loại A: Chiều rộng nền đường $B_{nền}=6,5m$, trong đó phần mặt đường $B_{mặt}=1 \times 5,5m/1 \times 3,5m=5,5m/3,5m$, lề đường $B_{lề}=2 \times 0,5m/2 \times 1,5m=1,0m/3,0m$.

- Mặt cắt đường giao thông nông thôn loại B: Chiều rộng nền đường $B_{nền}=5,0m$ trong đó phần mặt đường $B_{mặt}=1 \times 3,5m=3,5m$, lề đường $B_{lề}=2 \times 0,75m=1,5m$.

c) Độ dốc ngang mặt đường: Độ dốc ngang mặt đường thông thường trên các đoạn thẳng $i=2\%$, độ dốc ngang trên làn dừng khẩn cấp $i=4\%$.

4.4. Nền đường.

- Độ chặt của nền đường theo Tiêu chuẩn TCVN5729:2012 và TCVN9436:2012 như sau: 30cm lớp đáy áo đường (ngay dưới lớp kết cấu áo đường) phải được đảm bảo độ chặt $K \geq 0,98$, vật liệu đắp nền là đất đồi; 70cm tiếp theo phải được đảm bảo độ chặt $K \geq 0,95$, vật liệu đắp nền là đất, cát.

- Mặt bằng trước khi đắp nền được dọn dẹp, vét hữu cơ, đánh cấp (nếu có) theo quy định. Độ chặt của nền đắp phải đảm bảo độ chặt tối thiểu $K \geq 0,95$.

- Mái taluy đắp được trồng cỏ hoặc các gia cố khác để bảo vệ mái taluy.

- Xử lý nền đất yếu: Các giải pháp xử lý nền đất yếu bao gồm: Đào thay đất hoặc đào thay đất một phần kết hợp đóng cọc tre; bắc thám; giếng cát; cọc đất gia cố xi măng và các giải pháp khác bảo đảm yêu cầu về độ lún, độ ổn định nền đường, bảo đảm kinh tế - kỹ thuật.

4.5. Mặt đường.

- a) Đối với đường cao tốc: Mặt đường cấp cao A1, đảm bảo $E_{yc} \geq 200\text{Mpa}$.
- b) Đối với đường dẫn trong nút giao (nút giao ĐT.489C, nút giao đường Thái Bình - Côn Vành, nút giao đường Nam Định - Lạc Quần), các nhánh rẽ, làn chuyển tốc, đường trục kinh tế, quốc lộ... có quy mô đường cấp II: Mặt đường cấp cao A1, đảm bảo $E_{yc} \geq 160\text{Mpa}$.
- c) Đối với đường dẫn trong nút giao với đường cao tốc CT.16, Quốc lộ 39, Quốc lộ 37 và tuyến đường bộ ven biển: Mặt đường cấp cao A1, đảm bảo $E_{yc} \geq 180\text{Mpa}$.
- d) Đối với đường quốc lộ, tỉnh lộ, đường huyện, đường chui dưới cầu... có quy mô đường cấp III: Mặt đường cấp cao A1, đảm bảo $E_{yc} \geq 140\text{Mpa}$.
- e) Đối với một số đường huyện, đường liên xã, đường hoàn trả, đường ngang dẫn vào hầm chui, cầu vượt có quy mô cấp IV đồng bằng: đảm bảo $E_{yc} \geq 130\text{Mpa}$.

4.6. Thiết kế nút giao:

Trên phạm vi dự án đầu tư xây dựng, hoàn thiện các nút giao bao gồm:

- Nút giao với đường trục phát triển kinh tế tỉnh Nam Định tại Km18+700: Hoàn thiện nút giao liên thông dạng bán hoa thị.
- Nút giao Nam Định - Lạc Quần tại Km31+800: Nút giao liên thông dạng Diamond.
- Nút giao đường tỉnh 489C tại Km42+250: Nút giao liên thông dạng Trumpet.
- Nút giao đường Thái Bình-Côn Vành tại Km50+500: Nút giao liên thông dạng Diamond.
- Nút giao đường cao tốc CT.16 tại Km62+450: Nút giao liên thông dạng Trumpet đơn kết nối từ cao tốc với đường huyện ĐH.20.
- Nút giao Quốc lộ 39 tại Km70+720: Nút giao dạng bán hoa thị.
- Nút giao Quốc lộ 37 mới tại Km79+640: Nút giao liên thông dạng Diamond; phạm vi dự án đầu tư nhánh rẽ phải một chiều kết nối với tuyến đường ven biển và nhánh hai chiều kết nối với đảo xuyên hiện trạng trên Quốc lộ 37.

4.7. Thiết kế đường gom, đường hoàn trả dân sinh.

- Đường gom dân sinh được thiết kế và hoạch định phù hợp các thỏa thuận với địa phương, kết nối các hầm chui, cầu vượt ngang để phục vụ kết nối dân sinh hai bên đường cao tốc được thuận lợi nhất.
- Đối với đường gom là các đường xã, liên xã đi qua khu dân cư, có nhu cầu đi lại lớn được thiết kế tiêu chuẩn đường giao thông nông thôn loại A với $B_m/B_n = 3,5\text{m}/6,5\text{m}$ (gia cố lề mỗi bên thêm 1m). Các đường hiện trạng hoặc quy hoạch quy mô đầu tư lớn hơn từ $B_n = 7,0\text{m}-9,0\text{m}$ sẽ thiết kế hoàn trả hoặc bố trí bề rộng tương đương.
- Đối với các đoạn đường gom hiện trạng là các đường thôn xóm chỉ đóng vai trò kết nối dân sinh, các đường phục vụ sản xuất nông nghiệp... được xây dựng theo tiêu chuẩn đường giao thông nông thôn loại B, $B_m/B_n = 3,5/5,0\text{m}$.

- Bố trí các công trình phục vụ kết nối dân sinh hai bên tuyến đường cao tốc (cầu vượt, hầm chui dân sinh) bảo đảm khai thác an toàn, kết nối dân sinh thuận lợi. Quy mô, tĩnh không và cao độ đường dân sinh phù hợp với quy hoạch và thỏa thuận địa phương.

4.8. Công trình cầu.

- Xây dựng 23 cầu trên đường cao tốc, 04 cầu vượt ngang tại các nút giao liên thông và một số đường ngang.

- Kết cấu phần trên: Sử dụng dầm bê tông cốt thép dự ứng lực (dầm bản, dầm I, dầm Super T, dầm hộp đúc sẵn).

- Kết cấu phần dưới: Mố trụ bằng bê tông cốt thép, đặt trên hệ móng cọc bê tông cốt thép.

(Danh sách cầu có Phụ lục chi tiết kèm theo)

4.9. Hầm chui.

Hầm giao thông dân sinh trên đường cao tốc phục vụ nhu cầu dân sinh đi lại giữa hai bên đường cao tốc. Kích thước theo chiều ngang đảm bảo chiều rộng tối thiểu 4,0m.

4.10. Công trình thoát nước.

Xây dựng hoàn chỉnh hệ thống thoát nước ngang đường, thoát nước dọc đường, thoát nước mái ta luy bảo đảm ổn định, khai thác an toàn; xây dựng hoàn trả hệ thống rãnh, kênh mương thủy lợi.

4.11. Hệ thống quản lý và điều hành khai thác.

a) Hệ thống quản lý giao thông thông minh:

- Đầu tư hoàn chỉnh hệ thống thiết bị trên đường cao tốc, các nhánh nút giao, trung tâm điều hành giao thông trên tuyến, phần mềm quản lý ... để phục vụ quản lý, khai thác đường cao tốc bảo đảm an toàn, thông suốt, hiệu quả, kịp thời, tiện lợi và thân thiện môi trường. Cấu trúc hệ thống quản lý giao thông thông minh bao gồm: hệ thống camera giám sát, hệ thống phát hiện xe, hệ thống biển báo thông tin thay đổi, hệ thống báo hiệu điều khiển giao thông, hệ thống quản lý sự kiện giao thông, hệ thống giám sát thiết bị, hệ thống thông tin vô tuyến, hệ thống điện thoại nội bộ, hệ thống cấp quang, hệ thống thu phí tự động không dừng, hệ thống kiểm tra tải trọng xe...

- Trung tâm quản lý điều hành giao thông tuyến kết hợp với nhà điều hành thu phí tại Trạm thu phí đầu tuyến lý trình Km19+980.

- Hệ thống thu phí áp dụng công nghệ thu phí điện tử không dừng, đồng bộ với giải pháp thu phí đang triển khai trên các tuyến cao tốc, bảo đảm hiệu quả kinh tế - kỹ thuật.

- Công trình kiểm soát tải trọng xe bố trí tại các hướng vào trên các nhánh nút giao kết nối với đường cao tốc, bảo đảm kiểm soát tải trọng xe, hiệu quả kinh tế - kỹ thuật.

b) Trạm dừng nghỉ: Dự kiến xây dựng 01 trạm dừng nghỉ tại Km33+500 (huyện Trục Ninh, tỉnh Nam Định) và 01 trạm tại Km51+900 (huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình). Phương án đầu tư, kinh doanh, khai thác trạm dừng nghỉ thực hiện theo quy định của pháp luật (không thuộc phạm vi dự án này).

4.12. Hệ thống an toàn giao thông.

Xây dựng hoàn chỉnh hệ thống an toàn giao thông trên toàn tuyến theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41:2019/BGTVT ban hành theo Thông tư số 54/2019/TT-BGTVT ngày 31/12/2019 của Bộ Giao thông vận tải; bảo đảm an toàn giao thông trong quá trình vận hành, khai thác.

4.13. Hệ thống chiếu sáng: bố trí chiếu sáng trên đoạn đường tại các nút giao trên tuyến.

5. Thời gian thực hiện dự án: Từ năm 2023, cơ bản hoàn thành năm 2027, đưa vào khai thác vận hành từ năm 2028.

6. Diện tích mặt đất, mặt nước sử dụng; nhu cầu sử dụng tài nguyên khác

- Tổng nhu cầu sử dụng đất khoảng 538,44 ha (bao gồm cả diện tích quy hoạch các khu tái định cư; không bao gồm diện tích trạm dừng nghỉ); dự kiến trong đó: Đất ở khoảng 8,91 ha; Đất nông nghiệp khoảng 453,85 ha (đất trồng lúa khoảng 386,46 ha, đất trồng cây hằng năm khác 52,69 ha, đất trồng cây lâu năm 7,16 ha, đất nuôi trồng thủy sản 7,54 ha); Đất xây dựng cơ sở giáo dục đào tạo khoảng 0,38 ha; Đất sản xuất kinh doanh khoảng 2,1 ha; Đất phi nông nghiệp khác khoảng 73,2 ha (bao gồm loại đất: giao thông, thủy lợi, đất nghĩa trang, đất công trình năng lượng...).

- Nhu cầu sử dụng tài nguyên khác chủ yếu là các loại vật liệu xây dựng như đất đắp, cát đắp, cát xây dựng, cát thoát nước và đá xây dựng.

7. Loại hợp đồng dự án PPP: Xây dựng - Kinh doanh - Chuyển giao (Hợp đồng BOT).

8. Tổng mức đầu tư của dự án.

- Tổng mức đầu tư không bao gồm lãi vay: 19.149,275 tỷ đồng.

- Tổng mức đầu tư bao gồm cả lãi vay: 19.784,550 tỷ đồng.

Trong đó:

+ Chi phí xây dựng: 13.690,243 tỷ đồng;

+ Chi phí thiết bị: 293,765 tỷ đồng;

+ Chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư: 3.137,000 tỷ đồng;

+ Chi phí quản lý dự án: 64,168 tỷ đồng;

+ Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng: 517,209 tỷ đồng;

+ Chi phí khác (bao gồm cả chi phí lãi vay 902,519 tỷ đồng;

trong thời gian xây dựng):

+ Chi phí dự phòng: 1.179,647 tỷ đồng.

9. Cơ cấu nguồn vốn: Vốn nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án PPP chịu trách nhiệm thu xếp (vốn chủ sở hữu, vốn vay và các nguồn vốn hợp pháp khác); vốn nhà nước trong dự án PPP; cụ thể:

- Phần vốn nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án chịu trách nhiệm thu xếp: 10.447,55 tỷ đồng (52,81%).

- Vốn Nhà nước trong Dự án: 9.337,00 tỷ đồng (47,19%); trong đó:

+ Vốn ngân sách trung ương: 6.200,00 tỷ đồng (từ nguồn dự phòng chung tương ứng với nguồn tăng thu ngân sách trung ương năm 2022 theo Quyết định số 117/QĐ-TTg ngày 29/01/2024 của Thủ tướng Chính phủ);

+ Vốn ngân sách tỉnh Thái Bình: 1.462,00 tỷ đồng (theo Quyết định số 1763/QĐ-UBND ngày 25/10/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình);

+ Vốn ngân sách tỉnh Nam Định: 1.675,00 tỷ đồng (theo Quyết định số 2466/QĐ-UBND ngày 10/12/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định).

10. Vốn nhà nước trong dự án PPP: 9.337,00 tỷ đồng, bao gồm:

a) Vốn hỗ trợ xây dựng công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng: 6.200,00 tỷ đồng.

b) Vốn chi trả kinh phí bồi thường, giải phóng mặt bằng, hỗ trợ tái định cư: 3.137,00 tỷ đồng.

c) Giá trị vốn nhà nước tại điểm a và điểm b nêu trên chiếm tỷ lệ 47,19% tổng mức đầu tư dự án.

d) Tiến độ, tỷ lệ thanh toán: theo tiến độ thực hiện dự án và Hợp đồng dự án, dự kiến:

- Năm 2024: 1.000,00 tỷ đồng;

- Năm 2025: 5.857,00 tỷ đồng;

- Năm 2026: 2.480,00 tỷ đồng.

Kế hoạch bố trí các nguồn vốn có thể được điều chỉnh theo tiến độ thực tế triển khai thực hiện dự án.

đ) Phương thức quản lý và sử dụng vốn:

- Cơ quan có thẩm quyền thanh toán, giải ngân cho Nhà đầu tư trúng thầu/Doanh nghiệp dự án theo quy định của pháp luật và hợp đồng dự án.

- Đối với chi phí chuẩn bị dự án của nhà đầu tư đề xuất dự án: do Tập đoàn GELEXIMCO - Công ty CP bỏ kinh phí thực hiện;

- Chi phí tổ chức thẩm định của Hội đồng thẩm định liên ngành và cơ quan được giao nhiệm vụ thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi dự án; chi phí tổ chức lựa chọn nhà đầu tư, chi phí hỗ trợ pháp lý cho bên mời thầu và các cơ quan chức năng của cơ quan có thẩm quyền được bố trí từ nguồn vốn đầu tư công, nguồn vốn hợp pháp khác và tính vào tổng mức đầu tư của dự án. Nhà đầu



tu được lựa chọn chịu trách nhiệm hoàn trả các chi phí quy định nêu trên về ngân sách nhà nước và nhà đầu tư đề xuất dự án theo quy định.

11. Phương án tài chính.

a) Các thông số chủ yếu:

- Tổng vốn đầu tư của dự án khoảng 19.784,55 tỷ đồng, trong đó: vốn nhà đầu tư khoảng 10.447,55 tỷ đồng (vốn chủ sở hữu khoảng 1.567,133 tỷ đồng, vốn vay khoảng 8.880,418 tỷ đồng), vốn nhà nước khoảng 9.337,00 tỷ đồng và lãi vay trong thời gian xây dựng khoảng 635,275 tỷ đồng.

Tỷ lệ vốn chủ sở hữu: 15% tổng vốn đầu tư BOT (không bao gồm phần vốn nhà nước tham gia thực hiện dự án).

- Tỷ suất lợi nhuận của Nhà đầu tư: 10,78%/năm.

- Mức lãi suất vốn vay: 9,33%/năm.

b) Kết quả tính toán hiệu quả tài chính chủ yếu

- Giá trị hiện tại thuần (NPV): 217,22 tỷ đồng.

- Tỷ suất nội hoàn kinh tế (IRR): 9,73 %

- Tỷ số lợi ích/chi phí (B/C): 1,017

- Thời gian thu phí hoàn vốn: 25 năm 04 tháng.

c) Giá, phí sản phẩm, dịch vụ công:

- Nhà đầu tư sử dụng vốn chủ sở hữu và vốn huy động từ các nguồn vốn hợp pháp khác để đầu tư dự án, được hoàn vốn bằng thu phí kín trên toàn tuyến cao tốc.

- Mức giá dịch vụ: giá vé với hình thức thu phí kín, năm cơ sở 2028 mức giá vé 5 nhóm phương tiện lần lượt là: 2.100 - 3.000 - 4.400 - 8.000 - 12.000 (đồng/km).

- Các chi phí, thông số khác: theo hồ sơ Báo cáo nghiên cứu khả thi đã được Hội đồng thẩm định liên ngành, cơ quan chuyên môn về xây dựng thẩm định.

- Chi phí trong giai đoạn vận hành khai thác (chi phí quản lý, vận hành đường cao tốc, trạm thu phí; chi phí bảo dưỡng thường xuyên và sửa chữa định kỳ đường cao tốc; chi phí thay thế thiết bị,...): xác định theo quy định hiện hành.

12. Tên cơ quan có thẩm quyền, cơ quan ký kết hợp đồng, bên mời thầu; tên nhà đầu tư đề xuất dự án

a) Tên cơ quan có thẩm quyền: Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình.

b) Tên cơ quan ký kết hợp đồng: Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình.

c) Bên mời thầu: Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh Thái Bình.

d) Tên nhà đầu tư đề xuất Dự án: Tập đoàn GELEXIMCO - Công ty CP.

13. Hình thức lựa chọn nhà đầu tư; thời gian tổ chức lựa chọn nhà đầu tư; cơ chế ưu đãi trong lựa chọn nhà đầu tư cho nhà đầu tư đề xuất dự án



- a) Hình thức lựa chọn nhà đầu tư: Đấu thầu rộng rãi trong nước.
- b) Thời gian tổ chức lựa chọn nhà đầu tư: Quý IV năm 2024.
- c) Cơ chế ưu đãi trong lựa chọn nhà đầu tư cho nhà đầu tư đề xuất dự án: Nhà đầu tư đề xuất dự án được hưởng mức ưu đãi theo quy định của pháp luật trong quá trình lựa chọn Nhà đầu tư.

14. Loại, nhóm dự án, cấp công trình chính: công trình giao thông đường bộ (đường ô tô cao tốc); nhóm A; cấp đặc biệt.

Thời hạn sử dụng công trình chính theo thiết kế: theo tiêu chuẩn thiết kế được áp dụng.

15. Số bước thiết kế, tiêu chuẩn kỹ thuật áp dụng chủ yếu

- Thiết kế 3 bước: Thiết kế cơ sở, thiết kế kỹ thuật và thiết kế bản vẽ thi công.
- Danh mục tiêu chuẩn kỹ thuật áp dụng: Theo Quyết định số 657/QĐ-UBND ngày 15/5/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình về việc phê duyệt danh mục tiêu chuẩn kỹ thuật áp dụng cho Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường cao tốc Ninh Bình - Hải Phòng đoạn qua tỉnh Nam Định và Thái Bình theo phương thức đối tác công tư.

16. Hình thức tổ chức quản lý dự án: Nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án chịu trách nhiệm tổ chức quản lý đầu tư, xây dựng, quản lý, sử dụng, vận hành, khai thác, bảo trì, bảo vệ công trình theo quy định của pháp luật và thỏa thuận trong hợp đồng dự án.

17. Cơ chế chia sẻ phần tăng, giảm doanh thu: Thực hiện theo quy định tại khoản 9 Điều 1 Quyết định số 1680/QĐ-TTg ngày 25/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ và các quy định của pháp luật có liên quan.

18. Nội dung khác.

Trong bước triển khai tiếp theo nhà đầu tư trúng thầu/doanh nghiệp dự án, các đơn vị tư vấn, nhà thầu và các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm:

- Tổ chức khảo sát chi tiết, thí nghiệm đầy đủ tính chất cơ lý của vật liệu (đặc biệt là mô vật liệu cát, đất đắp, đá), thu thập các số liệu về địa hình, địa chất, thủy văn, tính toán để xây dựng giải pháp thiết kế, biện pháp tổ chức thi công phù hợp, bảo đảm tính kinh tế - kỹ thuật, ổn định công trình.

- Nhà thầu thi công có trách nhiệm tổ chức thực hiện các thủ tục cấp quyền khai thác đối với các mỏ vật liệu sử dụng cho dự án theo quy định tại Nghị quyết số 106/2023/QH15 ngày 28/11/2023 của Quốc hội và các quy định, hướng dẫn của cơ quan chức năng.

- Quản lý chặt chẽ khối lượng, chất lượng, tiến độ và chi phí đầu tư xây dựng, bảo đảm tuân thủ quy định của pháp luật, bảo đảm hiệu quả, công khai, minh bạch, không để thất thoát, lãng phí.

- Thực hiện bảo vệ môi trường theo Báo cáo đánh giá tác động môi trường được Bộ Tài nguyên và Môi trường phê duyệt tại Quyết định số 3493/QĐ-BTNMT ngày 30/10/2024 và quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định:

- Trên cơ sở các nội dung của Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án đã được thống nhất giữa Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình và Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định và các nội dung tại Điều 1 của Quyết định này, chỉ đạo các sở ngành, địa phương liên quan phối hợp chặt chẽ với các sở ngành, địa phương của tỉnh Thái Bình, nhà đầu tư/doanh nghiệp dự án và các đơn vị có liên quan trong quá trình triển khai Dự án; kịp thời giải quyết các khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình triển khai dự án theo thẩm quyền và theo quy định của pháp luật, đảm bảo tiến độ thực hiện dự án.

- Bảo đảm cân đối, bố trí đầy đủ, kịp thời nguồn vốn ngân sách tỉnh tham gia Dự án để triển khai Dự án theo đúng tiến độ.

- Đảm bảo về việc cung ứng nguồn vật liệu xây dựng phục vụ công tác triển khai thi công dự án và tính chính xác về các giải pháp thiết kế cơ sở đối với phạm vi đoạn tuyến thuộc địa bàn tỉnh Nam Định.

- Chỉ đạo các cơ quan chuyên môn phối hợp chặt chẽ, hướng dẫn nhà đầu tư trúng thầu hoàn thiện các thủ tục về đất đai trên địa bàn tỉnh Nam Định theo quy định của pháp luật.

- Chỉ đạo Ủy ban nhân dân các huyện Xuân Trường, Trực Ninh, Nghĩa Hưng, Nam Trực tập trung triển khai công tác giải phóng mặt bằng, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, bàn giao mặt bằng thuộc phạm vi quản lý để thực hiện Dự án theo quy định của pháp luật.

2. Giao các cơ quan chuyên môn, các đơn vị, địa phương tỉnh Thái Bình

a) Sở Kế hoạch và Đầu tư:

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về thông tin, tính chính xác, tính trung thực, đầy đủ của các tài liệu, số liệu tại Điều 1 của Quyết định này.

- Chủ trì tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo cấp có thẩm quyền phân bổ kế hoạch vốn ngân sách nhà nước cho dự án để triển khai thực hiện, đảm bảo tiến độ dự án.

- Tổ chức thẩm định các nội dung liên quan đến công tác đấu thầu tổ chức lựa chọn nhà đầu tư dự án theo thẩm quyền và theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện các nhiệm vụ khác được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao trong quá trình triển khai thực hiện dự án.

b) Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh:

- Thực hiện trách nhiệm, nghĩa vụ được Cơ quan nhà nước có thẩm quyền

giao tại hợp đồng dự án.

- Quản lý phân vốn của nhà nước tham gia trong dự án bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả, không được để xảy ra tiêu cực, thất thoát, lãng phí và tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan hoàn thiện hồ sơ mời thầu, trình cấp có thẩm quyền xem xét, phê duyệt làm cơ sở để lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án.

- Tổ chức lựa chọn nhà đầu tư theo đúng quy định của pháp luật.

- Chủ trì, phối hợp cùng các sở, ngành và các đơn vị liên quan dự thảo hợp đồng dự án; tổ chức đàm phán hợp đồng dự án với nhà đầu tư trúng thầu tuân thủ theo chủ trương đầu tư dự án được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1680/QĐ-TTg ngày 25/12/2023, các tài liệu, số liệu trong Hồ sơ báo cáo nghiên cứu khả thi đã được phê duyệt và theo đúng quy định của pháp luật.

- Công khai thông tin hợp đồng dự án theo quy định của Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư.

- Phối hợp chặt chẽ với các địa phương, các cơ quan có liên quan của hai tỉnh Thái Bình và Nam Định trong việc triển khai công tác giải phóng mặt bằng phục vụ dự án.

- Theo dõi, giám sát việc tuân thủ nghĩa vụ của nhà đầu tư trúng thầu, doanh nghiệp dự án theo quy định tại hợp đồng dự án; quản lý chặt chẽ chất lượng, tiến độ và chi phí đầu tư xây dựng, bảo đảm công khai, minh bạch, tuân thủ theo quy định, không để thất thoát, lãng phí.

- Thực hiện các nhiệm vụ khác được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao trong quá trình triển khai thực hiện dự án.

c) Sở Giao thông vận tải:

- Chủ trì tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh giải quyết các vấn đề có liên quan trong quá trình tổ chức thực hiện dự án, trong quản lý, vận hành dự án theo thẩm quyền và theo quy định của pháp luật.

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về thông tin, tính chính xác, tính trung thực và đầy đủ của các tài liệu, số liệu về giải pháp thiết kế cơ sở, giá trị tổng mức đầu tư của dự án.

- Thực hiện các nhiệm vụ khác được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao trong quá trình triển khai thực hiện dự án.

d) Sở Tài nguyên và Môi trường:

- Chủ trì cùng các sở, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện có liên quan giải quyết các vướng mắc trong quá trình thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ giải

phóng mặt bằng, tái định cư phục vụ dự án.

- Chủ trì, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trong việc đảm bảo nguồn cung cấp vật liệu xây dựng để áp dụng cơ chế đặc thù trong quá trình triển khai thực hiện dự án đối với đoạn trên địa bàn tỉnh Thái Bình.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng và các cơ quan, đơn vị liên quan hướng dẫn nhà thầu thi công thực hiện các thủ tục cấp quyền khai thác đối với các mỏ vật liệu sử dụng cho dự án theo quy định tại Nghị quyết số 106/2023/QH15 ngày 28/11/2023 của Quốc hội và các quy định, hướng dẫn của cơ quan chức năng.

- Chủ trì, hướng dẫn nhà đầu tư trúng thầu hoàn thiện các thủ tục về đất đai theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện các nhiệm vụ khác được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao trong quá trình triển khai thực hiện dự án.

e) Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện công bố quyết định phê duyệt dự án trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia đảm bảo thời hạn theo quy định của Luật Đấu thầu theo phương thức đối tác công tư.

g) Ủy ban nhân dân huyện các huyện Kiến Xương và Thái Thụy tổ chức thực hiện công tác giải phóng mặt bằng, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư phục vụ dự án thuộc địa bàn quản lý theo quy định của pháp luật, đảm bảo không để công tác giải phóng mặt bằng ảnh hưởng đến tiến độ dự án; đảm bảo công tác an ninh, trật tự trong quá trình triển khai thực hiện dự án.

h) Các Sở, ngành: Công Thương, Xây dựng, Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tư pháp, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, Kho bạc Nhà nước Thái Bình, Cục Thuế tỉnh, Công an tỉnh, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh và các đơn vị có liên quan theo chức năng, nhiệm vụ có trách nhiệm hướng dẫn Nhà đầu tư trúng thầu, Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh triển khai dự án đảm bảo theo quy định của pháp luật; thực hiện các nhiệm vụ khác được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao trong quá trình triển khai thực hiện dự án.

3. Tập đoàn GELEXIMCO - Công ty CP (Nhà đầu tư đề xuất dự án):

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước Cơ quan nhà nước có thẩm quyền về thông tin, tính chính xác, tính trung thực, đầy đủ của các tài liệu, số liệu tại Điều 1 của Quyết định này, về khối lượng, đơn giá, định mức, chi phí, kết quả tính toán kết cấu, tính hợp pháp, năng lực hoạt động xây dựng của các tổ chức, cá nhân trong hồ sơ trình thẩm định, phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án.

- Giao nộp hồ sơ và tài liệu cần thiết cho các cơ quan có liên quan của hai tỉnh Nam Định và Thái Bình để triển khai các công việc tiếp theo và lưu trữ tài liệu theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định căn cứ quyết định này để triển khai thực hiện các nhiệm vụ thuộc phạm vi quản lý của địa phương.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, các Giám đốc Sở, Thủ trưởng ngành: Giao thông vận tải, Công Thương, Xây dựng, Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tư pháp, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, Kho bạc Nhà nước Thái Bình, Công an tỉnh, Cục Thuế tỉnh, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện Kiến Xương, Thái Thụy; Người đại diện theo pháp luật của Tập đoàn GELEXIMCO - Công ty CP (Nhà đầu tư đề xuất dự án); Thủ trưởng sở, ngành, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

3. Các sở, ngành, địa phương căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao chịu trách nhiệm kiểm tra, giám sát việc thực hiện Quyết định này, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình (qua Sở Kế hoạch và Đầu tư Thái Bình để tổng hợp, báo cáo) theo quy định của pháp luật. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Chính phủ;
- Hội đồng thẩm định liên ngành;
- TTTU Nam Định, Thái Bình;
- TT HĐND tỉnh: Nam Định, Thái Bình;
- UBND các tỉnh: Ninh Bình, Hà Nam, Bắc Giang, Thanh Hóa;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành của tỉnh;
- UBND huyện, thành phố;
- Ban QLDA ĐTXD các CTGT tỉnh;
- Báo TB, Đài PTTH TB, Công TTĐT tỉnh;
- LĐ VP UBND tỉnh;
- Các phòng: NNTNMT, KT, TH;
- Lưu: VT, CTXDGT (Đ.T.A)

CHỦ TỊCH



Nguyễn Khắc Thận



**Phụ lục**

Danh sách các công trình cầu thuộc Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường cao tốc Ninh Bình - Hải Phòng, đoạn qua tỉnh Nam Định và Thái Bình theo phương thức đối tác công tư (PPP)

(Kèm theo Quyết định số 1799/QĐ-UBND ngày 31/10/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình)

A. Công trình cầu trên tuyến chính (23 cầu/7.346,03 m):**I. Địa phận tỉnh Nam Định (14 cầu/3894.13m)**

TT	Tên cầu	Lý trình	Sơ đồ nhịp (m)	Chiều dài (m)	Bề rộng (m)	Kết cấu nhịp	Ghi chú
1	Cầu vượt - Km20+322	Km20+325	1x33	62,79	24,75	Dầm I BTCT DƯL	Mố chui
2	Cầu vượt ĐT.490C	Km21+280	2x18+2x15	78,25	24,75	Dầm bản BTCT DƯL	Vượt đường ĐT.490C và vượt kênh Thống Nhất
3	Cầu vượt sông Rõng	Km21+967	24+33+24	106,31	24,75	Dầm I và dầm Super-T BTCT DƯL	Vượt sông Rõng cấp VI, rộng 75m
4	Cầu vượt đường ĐT.488 và Quốc lộ 21B	Km26+200	- Đơn nguyên trái: 41,6+25,2+42,5+26,25 +41,05+40x6+39,1 - Đơn nguyên phải: 41,6+45x2+43,75+41,25 +40x5+39,1	469,90	Mỗi đơn nguyên 2x 12,37	Dầm bản và dầm Super-T BTCT DƯL	Vượt đường ĐT.488 và QL.21B, góc chéo 30° kết hợp vượt kênh dọc đường ĐT.488B
5	Cầu vượt - Km28+079	Km28+080	1x24	48,68	24,75	Dầm I BTCT DƯL	Mố chui
6	Cầu vượt nút giao Nam Định - Lạc Quần	Km31+850	39,1+40+42,5x3+45x 2+42,5+40x3+39,1	513,4	24,75	Dầm I và dầm Super-T BTCT DƯL	Cầu vượt đường Nam Định - Lạc Quần cấp I

el

TT	Tên cầu	Lý trình	Sơ đồ nhịp (m)	Chiều dài (m)	Bề rộng (m)	Kết cấu nhịp	Ghi chú
7	Cầu vượt Quốc lộ 21	Km34+315	33+24+33	103,2	24,75	Dầm I và dầm bản BTCT DƯL	Vượt QL.21 (cấp III), kênh Cổ Lễ - Cát Chử rộng 15m, góc chéo 80°
8	Cầu vượt sông Ninh Cơ	Km37+814	40,1+3x42 +2x41+3x42+40,1+80 +130+80+40,1+42+41 +5x40+39,1	1084,5	24,75 (đoạn mở rộng 29,05m)	Nhịp đúc hẫng và dầm Super-T BTCT DƯL	Cầu vượt Sông Ninh Cơ cấp I
9	Cầu vượt đường ĐT.489	Km39+267	2x24	63,15	24,75	Dầm bản BTCT DƯL	
10	Cầu vượt sông Mã	Km40+916	2x21	56,15	27,90	Dầm bản BTCT DƯL	Mở rộng tầm nhìn
11	Cầu vượt đường ĐT.489C	Km41+275	2x24	65,37	27,33	Dầm bản BTCT DƯL	Mở rộng tầm nhìn
12	Cầu vượt sông Cát Xuyên	Km43+834	3x18	67,20	24,75	Dầm bản BTCT DƯL	
13	Cầu An Đạo	Km45+053	3x24	105,20	25,25	Dầm bản BTCT DƯL	Mở rộng tầm nhìn
14	Cầu vượt sông Hồng	Km46+932	39,1+8x40+39,1+85+135 +85+39,1+8x40+39,1	1114,9	24,75	Nhịp đúc hẫng và dầm Super-T BTCT DƯL	

al



A. Công trình cầu trên tuyến chính (23 cầu/7.346,03 m):

II. Địa phận tỉnh Thái Bình (09 cầu/3.451,90m)

TT	Tên cầu	Lý trình	Sơ đồ nhịp (m)	Chiều dài (m)	Bề rộng (m)	Kết cấu nhịp
Cầu qua sông Hồng Km46+932 (đã nêu trong tỉnh Nam Định)						
1	Cầu vượt nút giao Thái Bình - Cồn Vành	Km50+500	Liên trái: 39,1+5x40+42,5+2x45+42,5+6 x40+3x35+2x40+39,1 Liên phải: 39,1+5x40+42,5+2x45+42,5+6 x40+3x35+32+35+39,1	Liên trái: 901,4 Liên phải 888,4	24,75 đến 25,66	Dầm Super-T BTCT DƯỠ
2	Cầu vượt sông Kiến Giang	Km53+700	39,1+40+2x21,9+40+39,1	215,70	24,75	Dầm Super-T và dầm bản BTCT DƯỠ
3	Cầu vượt sông Sứ	Km57+070	3x21	77,70	24,75	Dầm bản BTCT DƯỠ
4	Cầu vượt sông Dục Dương	Km57+237	3x15	57,7	24,75	Dầm bản BTCT DƯỠ
5	Cầu vượt sông Trà Lý	Km64+650	39,1+6x40+39,1+(65+100+65)+39,1 +40+42,5+45+42,5+2x40+39,1	890,90	24,75	Nhịp đúc hẫng và dầm Super-T BTCT DƯỠ
6	Cầu vượt kênh Hoàng Nguyên	Km67+971	1x24	32,10	26,24	Dầm I BTCT DƯỠ
7	Cầu vượt sông Tiên Hưng	Km70+916	39,1+25,8+9x40+39,1	483,515	24,75	Dầm Super-T và dầm bản BTCT DƯỠ
8	Cầu vượt đường ĐT.456	Km78+744	39,1x40+42,5+45+42,5+2x40+39,1	343,40	24,75	Dầm Super-T BTCT DƯỠ
9	Cầu nhánh Ramp vượt kênh Sinh nhánh 1	Km80+200	1x33	41,10	14,5	Dầm I BTCT DƯỠ



B. Công trình cầu vượt ngang (04 cầu/853,6m):

TT	Tên cầu	Lý trình	Sơ đồ nhịp (m)	Chiều dài (m)	Bề rộng (m)	Kết cấu nhịp	Ghi chú
I	Địa phận tỉnh Nam Định (02 cầu)						
1	Cầu vượt nút giao ĐT.489C	Km42+098	39,1+3x40+39,11	212,36	14,50	Dầm Super-T BTCT DUỖ	Nhánh nút giao vượt cao tốc
2	Cầu vượt ngang Km33+445,07	Km33+445	39,1+43+46+43+39,1	224,4	12,00	Dầm Super-T BTCT DUỖ	Đường ngang cấp III vượt cao tốc
II	Địa phận tỉnh Thái Bình (02 cầu)						
1	Cầu vượt ngang nút giao CT.16	Km61+232	39,1+3x40+39,1	213,4	14,50	Dầm Super-T BTCT DUỖ	Nhánh nút giao vượt cao tốc
2	Cầu vượt ngang ĐH.30	Km52+488	39,1+3x40+39,1	213,4	9,00	Dầm Super-T BTCT DUỖ	Đường ngang cấp IV vượt cao tốc

